



Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lê Cung, chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên & Môi trường huyện N.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trương Duy A, sinh năm 1955; địa chỉ: xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Luật sư Nguyễn Thành L - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV X Chi nhánh Quảng Nam, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Đặng Thị Mỹ L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 4, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955; địa chỉ: Tổ 4, thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1933;

- Ông Đặng Tấn N; sinh năm 1985;

- Bà Phùng Nguyễn Ngọc T;

Đại diện theo ủy quyền của bà T, bà T: Ông Đặng Tấn N.

Cùng địa chỉ: Thôn T 1, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1935. Địa chỉ: Thôn T 2, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Phạm T; địa chỉ: Thôn T 2, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

\* Người kháng cáo: Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông Trương Duy A.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Văn B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:***

Nguồn gốc diện tích đất mà Ủy ban nhân dân (UBND) huyện N “*Công nhận quyền sử dụng cho hộ ông Trương Duy A*” tại Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 đã được giao cho gia đình ông trước đó bằng Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của UBND huyện N. Diện tích đất này, gia đình ông sử dụng từ năm 1984 để trồng hoa màu (cây đậu), đến năm 1992 UBND huyện N thu hồi và phân lô bán đất ở cho gia đình ông Nguyễn Văn B diện tích 200m<sup>2</sup> với giá 1 chỉ vàng.

Sau khi nhận Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của UBND huyện N thì cũng trong năm 1992 gia đình ông được UBND xã T và Hợp tác xã Nông nghiệp T 2 tiến hành giao đất trên thực địa, có lập biên bản giao đất (*biên bản này do hợp tác xã T II lưu giữ*). Sau khi nhận đất, gia đình ông sử dụng trồng cây đậu và mè, khi ông chuẩn bị làm nhà vào năm 1992 thì xảy ra tranh chấp với ông A, ông có báo cáo với UBND xã và Hợp tác xã thì UBND xã T có mời nhưng ông A không đến UBND xã để giải quyết sự việc lấn chiếm đất nói trên.

Để quản lý đất được giao, gia đình ông đã tiến hành kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP với diện tích là 320 m<sup>2</sup> tại thửa 666, tờ bản đồ số 43, loại đất thổ cư. Khi kê khai ông kê khai cả diện tích đất nằm sát lề đường Quốc Lộ 1A (*không giao cho ông nhưng được ông sử dụng*) nên làm tăng diện tích sử dụng từ 200 m<sup>2</sup> lên thành 320 m<sup>2</sup>.

Năm 2013 ông nhận được Thông báo số: 66/TB-TTPTQĐ ngày 14/8/2013 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N về “*Công khai giá trị bồi thường, hỗ trợ ... Dự án mở rộng Quốc Lộ 1A ...thành phần 2*” đối với thửa đất số 666, tờ bản đồ số 43, diện tích bị thu hồi 26,8 m<sup>2</sup> với tổng số tiền bồi thường là 11.336.400 đồng. Sau đó, Nhà nước không bồi thường cho gia đình ông và cũng không nêu rõ lý do.

Năm 2017, ông Trương Duy A tiến hành việc đổ đất đôn nền trên một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông thì ông mới biết UBND huyện N ban hành Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 “*Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ ông Trương Duy A* với diện tích 163 m<sup>2</sup>; trong đó, có một phần diện tích đất của ông đã kê khai đăng ký, trực tiếp xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét hủy Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc “*Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ ông Trương Duy A*.”

***Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện N, trình bày:***

Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N về “*Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ ông Trương Duy A*” là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 thu hồi đất của ông Trương Duy A nằm trong phạm vi từ 2,1 mét đến 3,5 mét sát lề đường Quốc Lộ 1A, trong khi đó thì quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 thể hiện diện tích đất được giao cách lề đường Quốc Lộ 1A là 20 mét; hai diện tích đất này hoàn toàn tách biệt nhau. Do đó, UBND huyện N đề nghị Toà án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B. Đối với yêu cầu độc lập của ông Trương Duy A về hủy quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 đề nghị Toà án xem xét theo qui định của pháp luật.

***Quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Duy A và đại diện theo ủy quyền của ông A là bà Mai Thị T trình bày:***

Nguồn gốc diện tích đất này do ông bà, cha mẹ ông A khai hoang sử dụng, trước năm 1975 ông A nhận thừa kế của cha mẹ và sử dụng diện tích đất này; năm 1979 ông A giao diện tích đất này cho Hợp tác xã Nông nghiệp T II. Đến năm 1984, ông A xin ra khỏi Hợp tác xã và được nhận lại diện tích đất này từ Hợp tác xã và sử dụng từ đó đến nay. Sau đó, UBND huyện phân lô diện tích đất của ông để giao cho các hộ dân làm nhà. Ông A khiếu nại và UBND huyện đã ra quyết định thu hồi đất của các hộ, riêng đất của B thì ông không hiểu vì sao chưa thu hồi; từ năm 1992 ông vẫn sử dụng diện tích đất này để canh tác đến hiện nay. Việc giao đất cho ông B trên diện tích đất ông đang sử dụng và đã kê khai đăng ký là không đúng quy định pháp luật nên ông A có yêu cầu Toà án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của UBND huyện N.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về hủy Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về “*Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ ông Trương Duy A*”.

***Quá trình tố tụng ông Đặng Tấn N, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T và bà Phùng Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất số 630, tờ bản đồ số 43 (Hồ sơ 64/CP) là do Nhà nước cấp cho hộ ông Đặng K (*Ba của ông N*, sau khi ông Đặng K chết, toàn bộ

diện tích của thửa đất 630 đã chuyển quyền thừa kế cho mẹ ông (bà Nguyễn Thị T) và ông là Đặng Tấn N.

Cụ thể diện tích đất thửa số 630, tờ bản đồ số 43 được tách làm 02 thửa: Bà Nguyễn Thị T sử dụng diện tích 815m<sup>2</sup> (theo trích đo thẩm định của Tòa án là thửa 525, diện tích 879,6m<sup>2</sup>). Ông N sử dụng diện tích 385m<sup>2</sup>, tại thửa 1099, tờ bản đồ 43, theo trích đo cấp sổ mới để bổ sung vợ ông là bà Phùng Nguyễn Ngọc T cùng chủ sử dụng thì diện tích cấp sổ lại là khoảng 386m<sup>2</sup> (theo trích đo thẩm định của Tòa án là thửa 734, diện tích 386,8m<sup>2</sup>). Ông không đồng ý với việc đo đạc ngày 09/7/2019 đối với diện tích đất của gia đình ông đang sử dụng ổn định, có ranh giới rõ ràng; còn đất của ông B là thửa số 666, tờ bản đồ 43, giáp ranh với vị trí đất của ông được thừa kế (thửa 1099, tờ bản đồ 43), không giáp ranh với thửa đất 630 mẹ ông đang quản lý.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:**

Áp dụng khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; khoản 4 Điều 12 Luật đất đai năm 1987; Điều 14, Điều 39, 42 Luật đất đai 2003; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B. Hủy Quyết định 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc “*Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ ông Trương Duy A*”.

2. Bác yêu cầu độc lập của ông Trương Duy A về hủy Quyết định số 104/QĐ-UB ngày 22/4/1992 của UBND huyện N về việc “*Cấp đất làm nhà ở cho hộ ông Nguyễn Văn B*”.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, ông Trương Duy A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Duy A và người người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp ông Nguyễn Thành Long đề nghị hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của UBND huyện N về việc “*Cấp đất làm nhà ở cho hộ ông Nguyễn Văn B*”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Duy A. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng và các văn bản pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện N ông Trương Văn Trung, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Lê Cung đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, bà Phùng Nguyễn Ngọc T là ông Đặng Tấn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của UBND huyện N về việc “*Cấp đất làm nhà ở cho hộ ông Nguyễn Văn B*” và Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N về việc “*Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ ông Trương Duy A*”. Ngày 22/8/2018, ông Nguyễn Văn B có đơn khởi kiện nên Tòa án tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định Điều 30, Điều 32, Điều 34 Luật tố tụng hành chính 2015.

[3] Về thẩm quyền ban hành Quyết định: Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 về việc “*Cấp đất làm nhà ở cho hộ ông Nguyễn Văn B*” với diện tích 200m<sup>2</sup> là thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước thời kỳ sau giải phóng đất nước theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Luật Đất đai của Quốc hội số 3-LCT/HĐNN8 ngày 29/12/1987. Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N đã *Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân (ông Trương Duy A)* quy định tại Luật đất đai 2013. Quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã có văn bản yêu cầu người bị kiện cung cấp tài liệu, giấy tờ về trình tự thủ tục ban hành Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 nhưng UBND huyện N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về trình tự, thủ tục ban hành quyết định này.

[4] Xét kháng cáo của ông Trương Duy A đề nghị hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N:

Nguyên thửa đất tranh chấp (nay là thửa 734, 525, 578 tờ bản đồ số 19) có nguồn gốc của tổ tiên ông Trương Duy A khai hoang, sử dụng trước năm 1975, sau đó để lại cho ông Trương Duy A tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1979, hộ gia đình ông Trương Duy A vào Hợp tác xã Nông nghiệp T II và đưa diện tích

đất tranh chấp vào Hợp tác xã. Việc ông Trương Duy A và người đại diện theo ủy quyền bà Mai Thị T cho rằng vào năm 1984 ông A xin ra khỏi Hợp tác xã và được nhận lại diện tích đất nêu trên nhưng không có chứng cứ, chứng minh cho lời khai của mình là hợp pháp. Đồng thời, trong quá trình sử dụng đất ông Trương Duy A không thực hiện đăng ký, kê khai diện tích đất đang sử dụng theo quy định của pháp luật.

Thực hiện Chỉ thị số 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng chính phủ về công tác, đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N giao đất làm nhà ở cho các hộ dân, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn B và bà Đặng Thị Mỹ L được giao thửa đất số 666, diện tích 200m<sup>2</sup> theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992. Tại thời điểm này, toàn bộ đất tranh chấp thuộc sở hữu của Hợp tác xã Nông nghiệp T II, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vị trí thửa đất ông Nguyễn Văn B được giao có tứ cận phía Đông giáp đất màu, Tây giáp Quốc Lộ 1A, Nam giáp lô số 10/QH, Bắc giáp lô số 8/QH. Như vậy, diện tích đất của ông B được cấp có mặt phía Tây giáp Quốc Lộ 1A. Sau đó, ông B đã kê khai, đăng ký theo hồ sơ 64/CP và được ghi tại Sổ mục kê của UBND xã T đối với phần đất trống (giáp đường Quốc Lộ 1A) đến lô đất được cấp là khoảng 20m nên đất biến động thành 320m<sup>2</sup> tại thửa số 666, tờ bản đồ 43 thuộc thôn T 1, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Tại khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993, khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Đối chiếu với quy định trên, ông Nguyễn Văn B được Nhà nước giao đất đã đăng ký, kê khai đúng quy định pháp luật.

[5] Ngày 24/3/2014, UBND huyện N ban hành Quyết định số 2682/QĐ-UBND về việc công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ gia đình ông Trương Duy A với diện tích 163,1m<sup>2</sup> (đất trồng cây hàng năm khác) tại thửa đất số 578, tờ bản đồ số 19 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 23/10/2013. Sau đó, UBND huyện N ban hành Quyết định 3420/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trương Duy A để hộ ông A giao lại một phần đất giải phóng mặt bằng xây dựng Công trình mở rộng đường Quốc Lộ 1A. Cụ thể: *“Công nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trương Duy A với diện tích 163,1 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 578...Đồng thời thu hồi diện tích đất nói trên để thực hiện dự án...Lập phương án bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền cho hộ gia đình, cá nhân*



*theo đúng quy định pháp luật... Vị trí, ranh giới thửa đất công nhận và thu hồi như trích lục bản đồ kèm theo” (BL 151-156).* Thực tế, hộ ông Trương Duy A đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ tổng cộng 48.876.374 đồng tương ứng 163,1m<sup>2</sup> đất, trong đó có một phần diện tích đất chính là phần đất trồng ông B đã đăng ký, kê khai như phân tích ở phần [4]. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn B đề nghị hủy Quyết định số 2682/QĐ-UBND là có cơ sở pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm hủy toàn bộ Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N là không chính xác nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại.

[6] Đối với nội dung UBND huyện N cho rằng Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 không làm ảnh hưởng đến Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của UBND huyện N vì đất công nhận cho ông Trương Duy A nằm trong phạm vi từ 2,1 mét đến 3,5 mét sát với lề đường Quốc Lộ 1A là mâu thuẫn với chính nội dung Quyết định số 2682/QĐ-UBND như phân tích ở phần [4], [5]; thửa đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn B, bà Đặng Thị Mỹ L không có lối đi; việc xác định tứ cận thửa đất số 666, tờ bản đồ số 43 của UBND xã T; đăng ký, kê khai theo hồ sơ 64/CP thửa 629 là 341m<sup>2</sup> và đo đạc mới năm 2013 có sự chênh lệch thửa là 1.299,2m<sup>2</sup> và mâu thuẫn Thông báo số 66/TB-TTPTQĐ ngày 14/8/2013 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện N về số tiền bồi thường 26,8 m<sup>2</sup> (thửa đất số 666, tờ bản đồ số 43) là 11.336.400 đồng cho hộ ông Nguyễn Văn B nhưng đến nay UBND huyện N không bồi thường.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Duy A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] **Về án phí:** Đơn kháng cáo của ông Trương Duy A không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, nhưng ông Trương Duy A là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ nêu trên;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Duy A. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 68/2019/HC-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. **Xử:**



Áp dụng khoản 4, Điều 13 Luật đất đai năm 1987; khoản 2 Điều 2; khoản 2 Điều 24; khoản 2 Điều 36 Luật đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật đất đai 2003; khoản 5 Điều 26; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai 2013.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B. Hủy một phần Quyết 2682/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về việc *Công nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân (ông Trương Duy A)*.

Bác đơn yêu cầu độc lập của ông Trương Duy A đề nghị hủy Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/1992 của UBND huyện N về việc “*Cấp đất làm nhà ở cho hộ ông Nguyễn Văn B*”.

## **2. Về án phí:**

Căn cứ khoản 1, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Trương Duy A được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Các Quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 24 - 12 - 2020./.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thúy Cầu**